BẢN TIN SẢN PHẨM

No.O5M23	05th March, 2025

Bạn có thể cập nhật thông tin này trên DAV Portal

Chủ đề: Dòng sản phẩm VRV A mới (RXQ-B) một chiều lạnh ra mắt thị trường Việt Nam mở rộng dãy công suất lên đến 78 HP

Công suất vượt trội – Hiệu suất tiết kiệm – Thiết kế tối ưu

1. Bối cảnh ra đời

Đón đầu xu hướng phát triển của các công trình quy mô lớn, Daikin tự hào ra mắt VRV A một chiều lạnh thế hệ mới với nhiều cải tiến vượt trội. Sản phẩm sở hữu công suất dàn đơn lên đến 26 HP và tổ hợp ghép mở rộng tối đa 78 HP, đồng thời tối ưu hiệu suất năng lượng, giúp giảm đáng kể chi phí vận hành. Với thiết kế hiện đại, khả năng vận hành ổn định và độ tin cậy cao, VRV A mới là giải pháp lý tưởng cho các tòa nhà cao tầng, tổ hợp thương mại và trung tâm mua sắm hiện đại.

2. Model mới

New

VRV A SERIES

R-410A

8-12 HP	14-20 HP	22-26 HP
RXQ8-12BYM	RXQ14-20BYM	RXQ22-26BYM

Nhà máy	Điện áp	Model hiện tại	Model mới
DIT Thailand	Hệ 3-pha 4-dây, 380-415 V/380 V, 50/60 Hz	RXQ6AYM	-
		RXQ8AYM	RXQ8BYM
		RXQ10AYM	RXQ10BYM
		RXQ12AYM	RXQ12BYM
		RXQ14AYM	RXQ14BYM
		RXQ16AYM	RXQ16BYM
		RXQ18AYM	RXQ18BYM
		RXQ20AYM	RXQ20BYM
		-	RXQ22BYM
		-	RXQ24BYM
		-	RXQ26BYM

3. Tính năng mới

a. Thiết kế mới

Dàn nóng đơn công suất lớn lên đến 26HP, tổ hợp ghép mở rộng lên đến 78HP thay vì 60 HP như hiện tại.

Thiết kế gia cố vững chắc, khung chịu lực chống biến dạng giúp ngăn ngừa đổ ngã, hư hỏng

b. Tiết kiệm năng lượng

Máy nén xoắn ốc hiệu suất cao mới, nâng cao hiệu suất năng lượng trong một thiết kế nhỏ gọn
- Thiết kế cổng xả mới giảm tổn thất do sụt áp đột ngột
- Tối ưu hóa kiểm soát áp suất ngược
- Kiểm soát dầu mới, không cần đường ống cân bằng dầu khi ghép tổ hợp
- Sử dụng động cơ cuộn dây tập trung hiệu suất cao

Điều khiển thông minh VRT Smart II
- Sự phối hợp giữa dàn nóng và dàn lạnh giúp tối ưu hóa điện năng tiêu thụ tối thiểu để đạt được công suất lạnh yêu cầu. Giờ đây, khả năng tiết kiệm năng lượng của hệ thống được nâng cao hơn nhờ việc kiểm soát chuyên sâu hơn nữa, tối ưu tốc độ quạt dàn nóng phù hợp với khả năng giải nhiệt của dàn nóng.

Số lượng dàn đơn vận hành tối ưu trong hệ thống tổ hợp ghép
- Với tổ hợp ghép, số lượng dàn đơn hoạt động được tự động điều chỉnh để đảm bảo hiệu suất tổng thể tốt nhất dựa trên tải hệ thống.

c. Hoạt động bền bỉ, tin cậy

Hộp điện bo mạch điều khiển kín đạt chuẩn IP55
- Ngăn chặn sự xâm nhập của vật thể lạ (ví dụ: thằn lằn, côn trùng, cát, nước) – nguyên nhân gây hỏng hóc.

Làm mát bo mạch bằng môi chất lạnh, bo điều khiển dàn nóng được bảo vệ trong hộp kín nhưng vẫn có thể giải nhiệt nhanh chóng

Nhiệt độ vận hành từ đó nâng lên đến 52 °C
- Cho phép bo mạch điều khiển vận hành ổn định ngay cả khi nhiệt độ ngoài trời lên cao, dải nhiệt độ vận hành từ đó nâng lên đến 52 °C

d. Tiện nghi

Chức năng vận hành dự phòng; phòng ngừa sự cố xả ra bất ngờ đối với dàn đơn của tổ hợp ghép

Chức năng vận hành êm vào ban đêm yên tĩnh cho khu dân cư đông

e. Thiết kế linh hoạt

Đường ống dẫn môi chất lạnh dài, độ cao chênh lệch tối đa lên đến **110m**

Tối ưu hóa cân bằng dầu, không cần đường ống cân bằng dầu với tổ hợp ghép

f. Lắp đặt dễ dàng

Chức năng nạp môi chất lạnh tự động kết hợp với quá trình chạy thử, rút ngắn thời gian thi công
- Thông qua thiết kế điều khiển tối ưu, thời gian trung bình cho quá trình nạp tự động và chạy thử đã được rút ngắn 22% (14 phút), và số lượng thao tác tại hiện trường đã giảm.

Cửa sổ dịch vụ bo điều khiển dàn nóng dễ tiếp cận đèn LED 7 đoạn trên bo mạch
- **Hiển thị tiến trình tỷ lệ tiến độ (từ 0% đến 99%) trên bo mạch** qua cửa sổ dịch vụ dàn nóng để dễ dàng sắp xếp công việc tại hiện trường.

4. Tổ hợp ghép dàn nóng

Dàn đơn (8-26 HP):

	HP	8	10	12	14	16	18	20	22	24	26
	kW	22.4	28.0	33.5	40.0	45.0	50.0	56.0	61.5	67.0	73.0
	Chỉ số công suất	200	250	300	350	400	450	500	550	600	650
M	8	●									
	10		●								
	12			●							
L	14				●						
	16					●					
	18						●				
	20							●			
XL	22								●		
	24									●	
	26										●

Tổ hợp ghép đôi (28-52 HP):

Công suất	HP	28	30	32	34	36	38	40	42	44	46	48	50	52
	kW	78.5	83.5	89.5	95.0	100	106	112	117	123	129	134	140	146
	Chỉ số công suất	700	750	800	850	900	950	1000	1050	1100	1150	1200	1250	1300
M	12	●	●	●										
L	14													
	16	●			●									
	18		●		●	●●	●		●	●				
	20			●			●	●●			●			
XL	22											●		
	24								●				●	
	26									●	●	●	●	●●

Tổ hợp ghép ba (54-78 HP):

Công suất	HP	54	56	58	60	62	64	66	68	70	72	74	76	78
	kW	150	156	162	168	174	179	185	191	196	202	208	213	219
	Chỉ số công suất	1350	1400	1450	1500	1550	1600	1650	1700	1750	1800	1850	1900	1950
L	18	●●●	●●	●										
	20		●	●●	●●●	●●	●●	●●	●	●	●			
XL	22					●			●			●		
	24						●			●			●	
	26							●	●	●	●●	●●	●●	●●●

5. Thông số kỹ thuật

Model			RXQ8BYM	RXQ10BYM	RXQ12BYM	RXQ14BYM	RXQ16BYM	RXQ18BYM	RXQ20BYM	RXQ22BYM	RXQ24BYM	RXQ26BYM
Nguồn điện			3 pha, 4 dây, 380-415 V/380 V, 50/60 Hz									
Công suất lạnh		HP	8	10	12	14	16	18	20	22	24	26
		kW	22.4	28.0	33.5	40.0	45.0	50.0	56.0	61.5	67.0	73.0
		Btu/h	76,400	95,500	114,000	136,000	154,000	171,000	191,000	210,000	229,000	249,000
Công suất điện		kW	5.00	6.41	8.38	9.88	12.6	13.8	15.9	17.9	20.2	23.5
Điều khiển công suất		%	11 – 100	13 – 100	12 – 100	11 – 100	9 – 100	8 – 100	9 – 100	8 – 100	8 – 100	8 – 100
EER TCVN13256:2021			5.50	5.41	5.11	5.29	4.94	4.97	4.80	4.84	4.75	4.57
Máy nén	Kiểu loại		Xoắn ốc									
	Công suất	kW	3.2	3.8	4.6	5.4	6.9	7.9	8.3	8.9	9.8	11.1
Quạt	Lưu lượng gió	m^3/min	158	174	185	237	266	258	306	375	390	411
Kích thước	H	mm	1,660									
	W	mm	930			1,240				1,750		
	D	mm	765									
Diện tích sàn		m^2	0.71			0.95				1.34		
Khối lượng		kg	206	210	210	247	270	285	293	354	354	354
Mức cường độ âm		dB(A)	56	57	59	61	63	63	65	67	68	68
Chiều dài thực tế		m	Tối đa 165									
Tổng chiều dài		m	Tối đa 1,000									
Chênh lệch độ cao	ODU/IDU	m	Tối đa 110									
	IDU/IDU	m	Tối đa 30									
Phạm vi vận hành		°C	10 - 52									
Môi chất lạnh	Loại		R-410A									
	Nạp sẵn	kg	7.2	7.4	7.5	9.6	10.0	11.6	11.7			
Đường kính ống	Lỏng	mm	9.5		12.7			15.9				19.1
	Gas	mm	19.1	22.2	28.6					34.9		34.9

Lưu ý:

Các thông số kỹ thuật dựa trên điều kiện sau:
・Nhiệt độ phòng: 27°CDB, 19°CWB, Nhiệt độ ngoài trời: 35°CDB, Chiều dài đường ống tương đương: 7.5 m, chênh lệch độ cao: 0 m.
・Mức cường độ âm: Giá trị đo quy đổi từ buồng cách âm, đo tại vị trí cách mặt trước máy 1 m tại độ cao 1.5 m so với mặt đất.
Trong điều kiện vận hành thực tế, các giá trị này thường cao hơn do cộng hưởng của môi trường xung quanh và chế độ thu hồi dầu về máy nén
Nếu lo ngại về tiếng ồn tại khu vực lắp đặt (ví dụ: gần khu dân cư), đề nghị khảo sát vị trí lắp đặt và áp dụng các biện pháp cách âm phù hợp.

*Tham khảo chi tiết thông số kỹ thuật hệ thống tổ hợp ghép trong Tài liệu Kỹ thuật (Engineering Data Book).

6. Dàn lạnh tương thích

Tất cả dàn lạnh VRV sử dụng gas R-410A hiện tại đều có thể kết nối với dàn nóng RXQ-B mới

7. Tính tương thích -tự do kết nối

Model mới không cho phép tự do kết nối.
Không thể kết hợp ghép dàn nóng mới với dàn nóng hiện tại.
Tổ hợp ghép mới tham khảo theo bảng tổ hợp ghép ở trên.

8. Danh sách tùy chọn

Phụ kiện tùy chọn		RXQ-B
Đường ống kết nối *1	Khớp nối REFNET nhiều nhánh	KHRP26M22H, KHRP26M33H, KHRP26M72H, KHRP26M73H (Max. 4 nhánh) (Max. 8 nhánh) (Max. 8 nhánh) (Max. 8 nhánh)
	Khớp nối REFNET 2 nhánh	KHRP26A22T, KHRP26A33T, KHRP26A72T, KHRP26A73T
	Nối giảm kích thước ống	KHRP26M73HP, KHRP26M73TP
	Khớp nối REFNET 2 nhánh không hàn dùng với TIGHTFIT New	BHRG26A33T, BHRG26A72T, BHRG26A73T
Bộ ống kết nối dàn nóng New		BHFP22R135, BHFP22R168*2
Tùy chọn PCB	Bộ tiếp hợp mở rộng DIII-NET + bộ dây kết nối New	DTA109A51+ BER11A
	Bộ tiếp hợp điều khiển nhóm dàn nóng	DTA104A62
	Bộ chuyển đổi kết nối điều khiển hệ thống nhà thông minh + bộ dây kết nối New	DTA116A51 + BER11B

*1. Cần chọn phụ kiện REFNET phù hợp dựa trên tổng chỉ số công suất của các dàn lạnh kết nối sau mỗi REFNET, theo hướng dẫn lắp đặt.
*2. Chỉ sử dụng bộ ống kết nối dàn nóng mới **BHFP22R135/168** dành riêng cho dòng RXQ-B. Model hiện tại BHFP22P100/151 hiện tại dành cho dòng RXQ-A không tương thích với dòng RXQ-B mới.

9. Tài liệu quảng bá

Tài liệu	Model	Mã số/Link
Hình ảnh	RXQ8-12BYM	PIV2426
	RXQ14-20BYM	PIV2427
	RXQ22-26BYM	PIV2428
	RXQ28-60BYM	PIV2429
Hình ảnh 3D Rendered	RXQ8-12BYM	M casing
	RXQ14-20BYM	L casing
	RXQ22-26BYM	XL casing
Thư viện DK-BIM	RXQ8-78BYM	FY25 (dự kiến)
Bài trình bày giới thiệu sản phẩm	RXQ8-78BYM	VRV 6 A X - v5.pptx
Catalogue	RXQ8-60BYM	VRV 6A_Vie.pdf
Engineering Data Book (Hướng dẫn Thiết kế)		EDTRVN342429-D
Engineering Data Book (Bảng công suất)		EDTRMT342426-C
Engineering Data Book (Hướng dẫn Lắp đặt)		EDTRMT342426-N
Video giới thiệu VRV 6A		Giới thiệu VRV 6A PMV2501
Video giới thiệu IP55 trên VRV mới		Hộp điều khiển kín đạt chuẩn IP55